TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 121/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
(Tại Trung tâm Hòa giải – Đối thoại)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng C hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân;

- Căn cứ vào biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và Cha tài sản ngày 21/8/2019 của Trung tâm Hòa giải- Đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Cao C, sinh năm 1978;

HKTT: Khối 6, TT. C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982;

HKTT: Số 13, đường N, phường N, thành phố B, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và Cha tài sản ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Trung tâm Hòa giải, Đối thoại là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và Cha tài sản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cao C và Chị Nguyễn Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Ch, sinh ngày 12/5/2008; khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao cháu Ch cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ(Ba triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu Ch tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Cao C phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp 300.000 đồng tại tại biên lai thu số AA/2018/0002061 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ch cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự; Trung tâm HG-ĐT
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Ch cục THA Dân sự TP Bắc Ninh;
- UBND phường Ninh Xá;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hồng